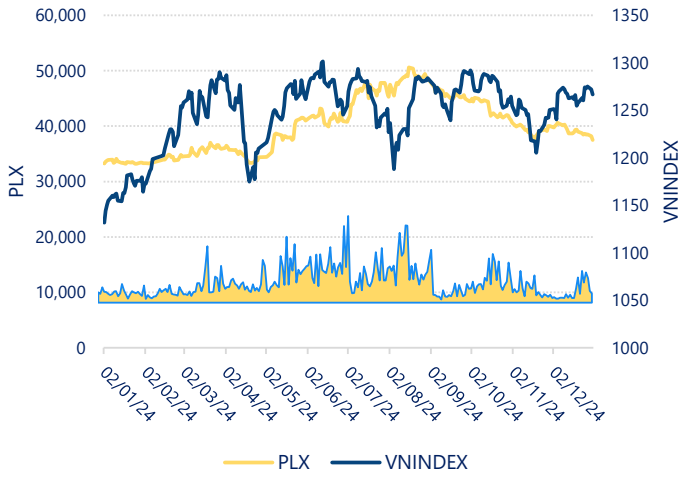
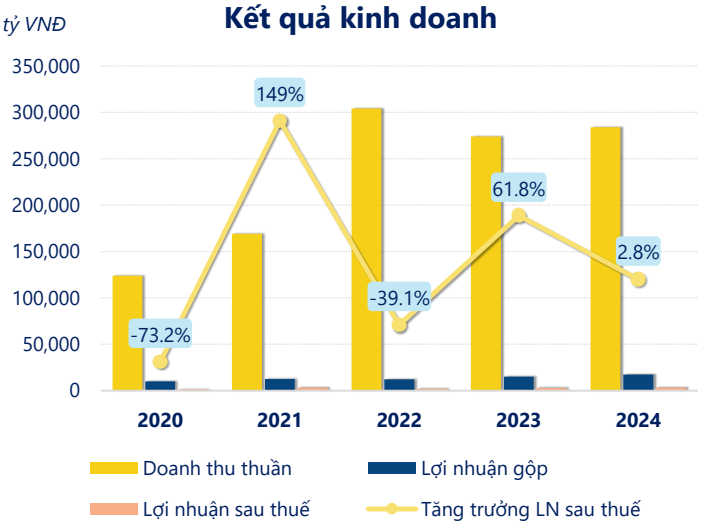
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	37,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.9%	-	-

Lịch sử giá



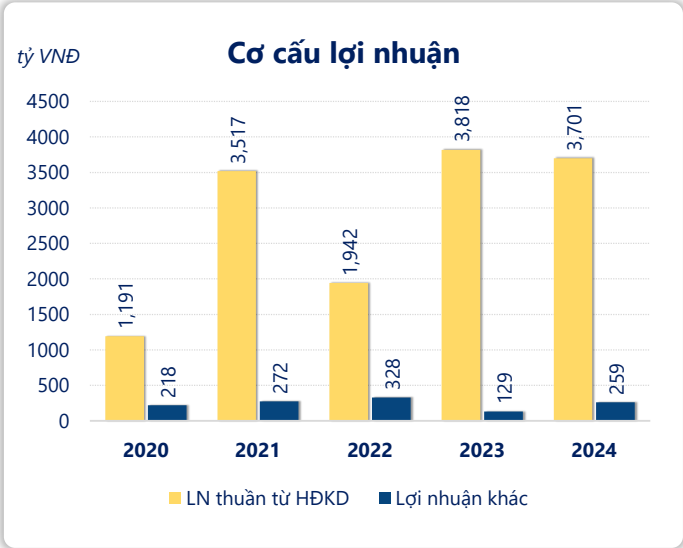
Kết quả kinh doanh

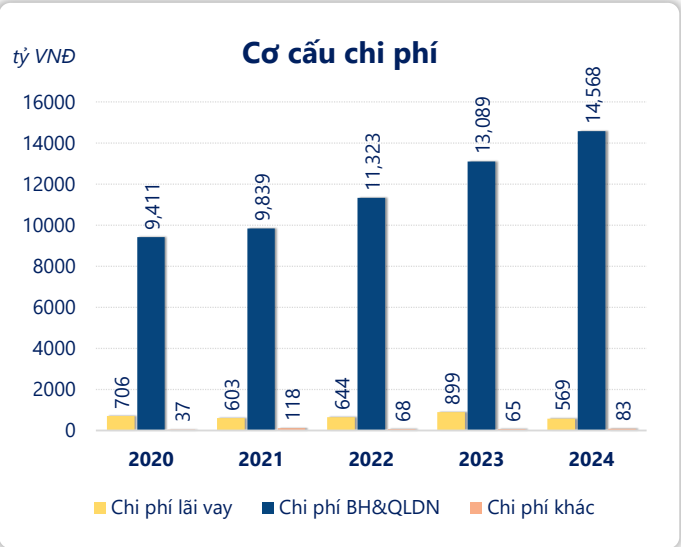


	2024	YoY
DT thuần	284,028 tỷ VNĐ	▲ 10,049 ▲ 3.7%
LN gộp	17,315 tỷ VNĐ	▲ 2,051 ▲ 13.4%
LN thuần	3,701 tỷ VNĐ	▼ 117 ▼ 3.1%
LN sau thuế	3,163 tỷ VNĐ	▲ 86.0 ▲ 2.8%
ROE	9.9%	+/- YoY ▼ 0.1%
ROA	3.6%	+/- YoY ▼ 0.1%

Năm **2024**, **PLX** ghi nhận doanh thu thuần **284,028** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **3,163** tỷ đồng, lần lượt **tăng 3.67%** và **tăng 2.79%** so với năm trước.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **9.88%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

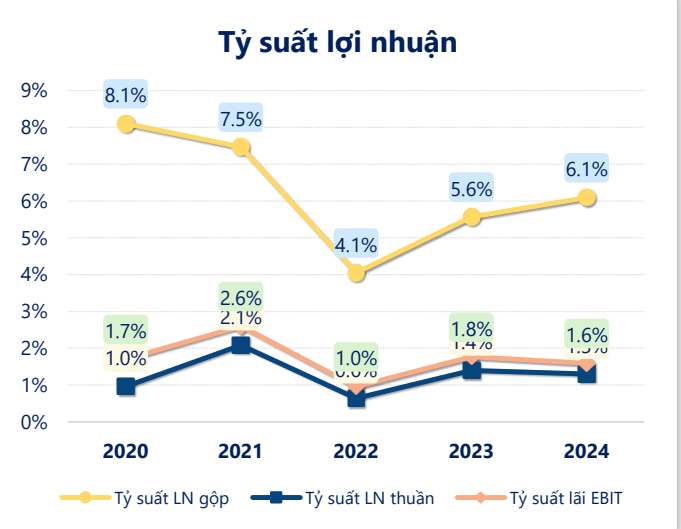


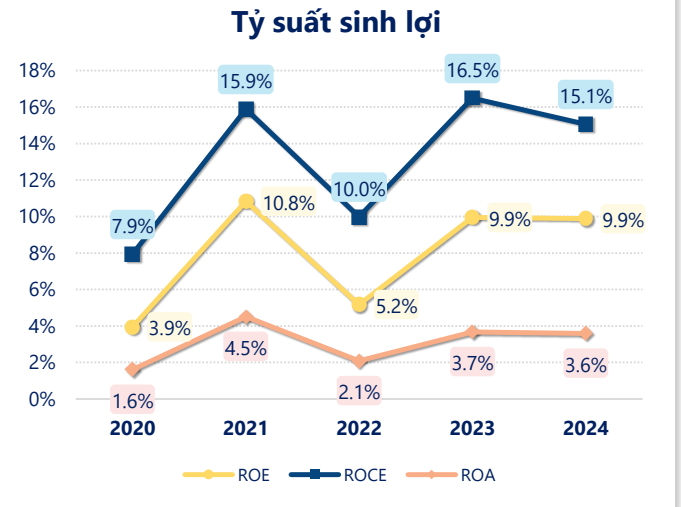


Năm **2024**, **PLX** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **3,701** tỷ đồng, **giảm đi 117.0** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (2,834 tỷ đồng) là 867.0 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

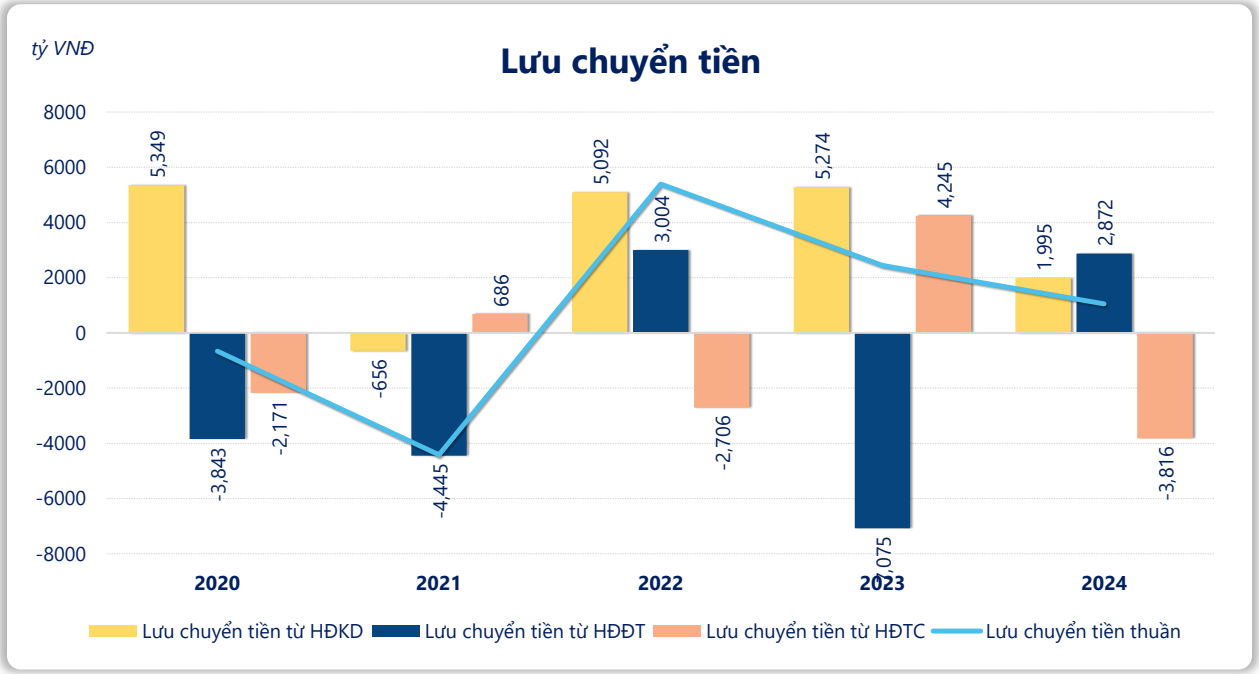
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **568.9** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **14,568** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **82.68** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của PLX năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **9.88%**, tuy nhiên vẫn **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**123,919**	**169,009**	**304,064**	**273,979**	**284,028**
Giá vốn hàng bán	113,879	156,386	291,744	258,715	266,712
Lợi nhuận gộp	**10,040**	**12,623**	**12,320**	**15,264**	**17,315**
Doanh thu HĐTC	917	1,000	1,949	2,743	1,635
Chi phí TC	952	836	1,706	1,723	1,193
Chi phí lãi vay	**706**	**603**	**644**	**899**	**569**
LN trong công ty LKLD	597	569	703	624	511
Chi phí bán hàng	8,591	9,073	10,500	12,140	13,531
Chi phí QLDN	820	766	823	949	1,037
LN thuần từ HĐKD	**1,191**	**3,517**	**1,942**	**3,818**	**3,701**
Lợi nhuận khác	218	272	328	129	259
LN trước thuế	**1,410**	**3,789**	**2,270**	**3,947**	**3,960**
Lợi nhuận sau thuế	**1,253**	**3,124**	**1,902**	**3,077**	**3,163**
LNST của CĐ cty mẹ	**988**	**2,839**	**1,450**	**2,834**	**2,890**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của PLX bằng **1,052** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (2,443 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **1,995** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **2,872** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-3,816** tỷ đồng.